

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17

Năm 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17
- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp
- Vốn điều lệ: 188.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 188.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
- Số điện thoại: 0582.240.043
- Số fax: 0583.831.034
- Website: nhatrangseafoods@nhatrangseafoods.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

➤ Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 được thành lập vào tháng 8 năm 2004 trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang.
- Từ những năm đầu thành lập còn nhiều khó khăn và qua những năm 2008-2012 khủng hoảng kinh tế Thế giới, nhưng bằng lao động sáng tạo của tập thể CB.CNV đã vượt qua khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phát huy thành tích đã đạt được, toàn thể CB.CNV Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 ra sức làm việc có hiệu quả để tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Đến nay, Công ty đã có hơn 1.400 lao động trong danh sách, và đội ngũ cán bộ trưởng thành nhiều về mọi mặt, giỏi về năng lực chuyên môn, đa số gắn bó với Công ty trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, tâm huyết và có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. Trong khi các Công ty khác cùng ngành nghề thu hẹp qui mô sản xuất, thì F17 tự tin đầu tư mở rộng và tăng trưởng về sản lượng và qui mô.
- Các nhà máy được trang bị công nghệ hiện đại, đã đạt tiêu chuẩn sản xuất xuất khẩu mặt hàng thủy sản đông lạnh cho các khách hàng lớn như Walmart, các thị trường đòi hỏi quy cách và chất lượng cao như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... Công ty đã tạo dựng được uy tín và quan hệ lâu dài với các khách hàng trong và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty luôn làm hài lòng khách hàng.
- Trong tình hình kinh tế rất khó khăn như những năm gần đây nhưng Công ty vẫn bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Cụ thể doanh số xuất khẩu qua các năm như sau :

Năm 2012 : 36,9 triệu USD

Năm 2013 : 86,8 triệu USD

Năm 2014: 77,9 triệu USD

Năm 2015: 32,6 triệu USD

➤ Các sự kiện khác:

– Từ khi chuyển sang cổ phần đến nay, Công ty đã liên tục đạt được nhiều thành tích không chỉ ở lĩnh vực SXKD mà còn rất nhiều lĩnh vực khác, thể hiện qua các bằng khen, giấy khen,... như:

– UBND tỉnh tặng Bằng khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo hộ lao động năm 2004

– UBND tỉnh tặng Bằng khen “Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm (2000-2005);

– UBND tỉnh tặng Bằng công nhận “Công ty đạt cơ quan văn hóa năm 2008”;

– UBND tỉnh tặng Bằng khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động xây dựng “Quỹ vì người nghèo” tỉnh Khánh Hòa năm 2009;

– Giấy chứng nhận Công ty được bình chọn Một trong 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2009;

– Hội nghề cá Việt Nam tặng Cúp vàng và Giấy chứng nhận “Công ty đạt Cúp vàng chất lượng thủy sản Việt nam lần thứ Nhất năm 2009”;

– UBND tỉnh tặng Bằng công nhận Công ty đạt cơ quan văn hóa năm 2009;

– Cục thuế tỉnh Khánh Hòa tặng Giấy khen “Công ty có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2009”;

– Sở Lao động-Thương binh & xã hội tặng Giấy khen “Công ty có thành tích xuất sắc trong công tác vận động, xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em giai đoạn 2006-2010”;

– UB Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế công nhận Doanh nghiệp đạt “giải thưởng Cúp vàng Hội nhập kinh tế quốc tế lần 2 năm 2010”;

– Tổng cục Thuế tặng giấy khen “Công ty thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2010”;

– Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín liên tục từ năm 2004-2013.

– Bằng khen top 10 Doanh nghiệp xuất sắc, tiêu biểu chất lượng vàng thủy sản VN lần thứ 2.

– Năm 2013 Công ty được công nhận trong top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam;

– Công ty được người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2014;

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

– Ngành nghề kinh doanh: Chế biến thủy sản

– Địa bàn kinh doanh: Công ty có ba nhà máy chế biến thủy sản đặt tại thành phố Nha Trang đã được cấp code DL17, DL90 & DL394 xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu, Úc, Hàn Quốc..., ba siêu thị bán các mặt hàng thực phẩm thủy sản nội địa, và một nhà hàng Nha Trang Seafoods.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007

Ban điều hành

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012

Đại diện pháp luật

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Ích (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012).

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Khai thác, nuôi trồng thủy					
Công ty Cổ phần Phường Hộ Phòng, Thị trấn xã Giá Rai, Tỉnh Bạc		Thủy sản; Sản xuất giống			
Nha Trang Seafoods F89	Liêu	Thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	99%	99%	99%
Khu Công nghiệp Cảng					
Công ty Cổ phần cá Tắc Cậu, Xã Bình Đảnh bắt thủy sản; Nuôi					
Thủy sản NT	An, Huyện Châu Thành, thủy sản; Chế biến				
	Tỉnh Kiên Giang		98,68%	98,68%	98,68%
	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thốt Nốt, Khai thác nuôi trồng chế					
Thủy sản NTSF (*)	Quận Thốt Nốt, TP. biển thủy sản				
	Cần Thơ		26,80%	26,80%	26,80%
Công ty Cổ phần Ấp Phước Thạnh, Xã					
Thực phẩm NTSF (*)	Quới Thiện, Huyện Khai thác nuôi trồng chế				
	Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh biển thủy sản		26,77%	26,77%	26,77%
	Long				
Khai thác nước khoáng					
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, doanh dịch vụ nhà hàng;					
Nóng - Nha Trang Seafoods F17 (*)	TP.Nha Trang, Tỉnh Sản xuất mỹ phẩm và nước khoáng; Vận tải hành khách. Dịch vụ tắm hơi, massage		21,97%	21,97%	21,97%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các Công ty này ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của các công ty này. Do vậy các Công ty này bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào các Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin có trụ sở chính tại số 777 Lê Hồng Phong, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Khám chẩn đoán và điều trị, phục hồi chức năng và điều dưỡng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 17,5% **vốn điều lệ**, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã giải thể. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

– Vốn điều lệ thực góp:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>129.064.743.291</i>	-	<i>128.197.503.291</i>	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	72.094.580.000	-	72.094.580.000	-
Công ty CP Nha Trang Seafoods-F89 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.800.000.000	-	19.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(iv)	22.170.163.291	-	21.302.923.291	-
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>10.500.000.000</i>	-	<i>10.500.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin ^(v)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Cộng	139.564.743.291	-	138.697.503.291	-

5. Định hướng phát triển

- Xây dựng các phương án khả thi có hiệu quả, tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, đưa hoạt động kinh doanh, chế biến, xuất khẩu thủy sản là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu.

- Phân đầu đạt chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng cao
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất.
- Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động

* Hoạch định chiến lược phát triển như sau:

- Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống;
- Không ngừng tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng thị trường xuất khẩu;
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, từng bước phát triển các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, theo hướng nâng cao hiệu quả cho sản xuất kinh doanh;
- Phân đầu đưa kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước;
- Duy tu, bảo dưỡng, hoặc thay mới các máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp;
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất;
- Đầu tư Khách sạn - Nhà hàng tại 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang;

- Góp vốn đầu tư Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Du lịch tại 777 Lê Hồng Phong, Nha Trang;

- Phát triển nguồn nhân lực: Tuyển dụng đào tạo tại chỗ nguồn lao động có tay nghề cao; có chính sách đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực có chất lượng và bồi dưỡng để bổ sung và thay thế các vị trí cần thiết, phục vụ yêu cầu ngày càng mở rộng của Công ty. Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được bảo đảm năm sau bằng hoặc cao hơn các năm trước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Doanh thu bán thành phẩm năm nay giảm mạnh hơn 50% so với năm 2014, chủ yếu do sản lượng mặt hàng tôm xuất khẩu năm nay là mặt hàng chủ lực của công ty giảm tương ứng. Trong đó khoảng 40% do tình hình chung giá trị tôm xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2015 giảm hơn năm 2014 và khoảng 10% do năm 2015 công ty để cho các công ty con trực tiếp xuất khẩu thay vì mua bán để công ty xuất khẩu như năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012

– Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm 2015: 891 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư Khách sạn - Nhà hàng tại 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang;

- Góp vốn đầu tư Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Du lịch tại 777 Lê Hồng Phong, Nha Trang;

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.201.679.893.758	928.036.294.727	-22,8%
Doanh thu thuần	1.770.301.539.779	803.073.376.338	-54,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.614.930.109	20.956.750.870	-86,4%
Lợi nhuận khác	166.152.159	125.256.635	-24,6%
Lợi nhuận trước thuế	153.752.038.644	21.549.103.786	-86,0%
Lợi nhuận sau thuế	123.225.821.683	20.682.608.893	-83,2%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	128%	106%	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	110%	93%	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	63%	68%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	171%	213%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	11,1	6,5	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	147%	87%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,0%	2,6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,8%	7,0%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,3%	2,2%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8,7%	2,6%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành:
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông lớn	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Ngô Văn Ích	5.743.649	30,6%
2	Ngô Tuấn Kiệt	3.720.994	19,8%
3	Đào Thị Minh Hương	1.880.000	10,0%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Doanh thu bán thành phẩm năm nay giảm mạnh hơn 50% so với năm 2014, chủ yếu do sản lượng mặt hàng tôm xuất khẩu năm nay là mặt hàng chủ lực của công ty giảm tương ứng.
- Việc đào tạo cán bộ và công nhân viên ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Cán bộ được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu công việc. Công nhân lao động có trình độ ngày càng cao, góp phần đẩy mạnh năng suất, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng giá trị tài sản năm 2015 giảm 22,8% so với năm 2014, tuy nhiên khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty vẫn được bảo đảm. Các khoản nợ phải lập dự phòng của công ty nhìn chung không đáng kể, vì vậy không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty một cách hiệu quả, công ty không có tài sản thừa không sử dụng.

b) Tình hình nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán. Khoản nợ phải trả có biến động lớn là do công ty nhận ủy thác xuất khẩu của các công ty nội bộ và chưa đến hạn thanh toán các khoản phải trả này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Bộ máy quản lý công ty được sắp xếp theo hướng ngày càng gọn nhẹ và hiệu quả. Công ty ngày càng quan tâm hơn đến người lao động như an toàn vệ sinh lao động, các chính sách về bảo hiểm, chính sách cho người lao động nữ có thai và nuôi con nhỏ ... ngày càng tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Phân đầu đưa kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước;
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất;
- Đầu tư Khách sạn - Nhà hàng tại 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang;
- Góp vốn đầu tư Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Du lịch tại 777 Lê Hồng Phong, Nha Trang;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung, công ty đã hoạt động theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị đã hoạch định. Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đạt được kế hoạch đã đề ra là do các yếu tố khách quan và tình hình khó khăn chung của các thị trường xuất khẩu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban giám đốc đã luôn theo sát sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, thực hiện lãnh đạo và điều hành hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tăng cường chỉ đạo hoạt động điều hành của Ban giám đốc. Tìm các thị trường mới để tăng cường hoạt động xuất khẩu. Bên cạnh đó mở rộng hoạt động đầu tư của công ty sang các lĩnh vực khác nhằm tăng cao hiệu quả sử dụng vốn.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên không điều hành công ty
Ngô Văn Ích	Chủ tịch HĐQT	27/3/2007	30,6%	
Huỳnh Long Quân	P.Chủ tịch HĐQT	27/3/2007	1,6%	
Trần Thiện Tâm	Ủy viên	27/3/2007	0,4%	
Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	27/3/2007	10,0%	x
Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	01/3/2014	19,8%	x

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị họp định kỳ hàng quý. Các cuộc họp của hội đồng quản trị nhằm đưa ra các chỉ đạo và phương hướng hoạt động của công ty trong từng giai đoạn nhất định nhằm bảo đảm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và bảo toàn nguồn vốn.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	27/3/2007	0,04%
Phạm Bảo Quốc	Thành viên	27/3/2007	0,03%
Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	27/3/2007	0,44%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát họp định kỳ hàng quý. Các cuộc họp của ban kiểm soát nhằm đánh giá những rủi ro và sai sót mà công ty có thể gặp phải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Thù lao Ban giám đốc:

Họ và tên	Lương	Thưởng	Thù lao HĐQT	Tổng thu nhập
Ngô Văn Ích	600.000.000	98.185.000	763.000.000	1.461.185.000
Huỳnh Long Quân	540.000.000	87.692.000	254.000.000	881.692.000
Trần Thiện Tâm	540.000.000	87.714.000	254.000.000	881.714.000
	1.680.000.000	273.591.000	1.271.000.000	3.224.591.000

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán:* Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 – 47
8. Phụ lục 1: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax : (058) 3 831 034
E-mail : ntsf@dng.vnn.vn
Website : www.nhatrangseafoods.com
Mã số thuế : 4 2 0 0 5 6 7 4 2 8

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Ích (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Ngô Văn Ích

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 079/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là cổ đông sáng lập đăng ký sở hữu 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã góp 10.500.000.000 VND bằng giá trị tài sản trên đất tại số 777, Đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động từ năm 2010. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty này.

Kiểm toán viên chưa được tiếp cận với các số liệu tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin cũng như các tài liệu khác liên quan đến việc giải thể Công ty này nên không có cơ sở để xem xét đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (xem thuyết minh V.2b và VIII.7).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		666.742.506.558	971.802.452.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	185.340.934.392	310.262.614.701
1. Tiền	111		112.840.934.392	53.702.614.701
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.500.000.000	256.560.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.200.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21.200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.891.507.971	520.282.070.617
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	319.050.130.531	433.724.500.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	27.069.463.050	3.189.184.061
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	27.703.855.629	85.300.327.101
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.931.941.239)	(1.931.941.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.459.075.851	136.657.376.862
1. Hàng tồn kho	141	V.7	79.459.075.851	136.657.376.862
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.850.988.344	4.600.390.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.125.638.583	359.840.766
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.051.222.867	3.876.892.213
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.674.126.894	363.657.692
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.293.788.169	229.877.440.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.393.000	3.578.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.393.000	3.578.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		97.823.101.784	89.403.866.470
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	84.636.882.008	77.229.932.494
- Nguyên giá	222		196.204.722.114	180.854.520.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.567.840.106)	(103.624.587.618)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.186.219.776	12.173.933.976
- Nguyên giá	228		13.697.811.676	12.355.933.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(511.591.900)	(182.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.617.719.782	651.517.602
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.617.719.782	651.517.602
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		139.850.053.291	138.982.813.291
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	129.064.743.291	128.197.503.291
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	285.310.000	285.310.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.999.520.312	835.665.544
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	21.999.520.312	835.665.544
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		928.036.294.727	1.201.679.893.758

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		631.155.380.398	759.036.582.322
I. Nợ ngắn hạn	310		631.155.380.398	759.036.582.322
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	281.371.451.928	121.825.664.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.990.193.115	2.105.475.235
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	595.229.528	19.398.977.209
4. Phải trả người lao động	314	V.15	8.687.798.430	13.951.892.060
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.688.070.359	3.155.056.305
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	122.085.623.975	4.232.773.367
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	199.729.102.500	593.500.900.500
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	7.910.563	865.842.669
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

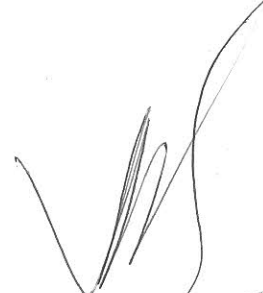
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296.880.914.329	442.643.311.436
I. Vốn chủ sở hữu	410		296.880.914.329	442.643.311.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	17.957.399.540	17.957.399.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	90.923.514.789	236.685.911.896
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70.240.905.896	236.685.911.896
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.682.608.893	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		928.036.294.727	1.201.679.893.758


Nguyễn Dân Tiến
 Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng




Ngô Văn Ích
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

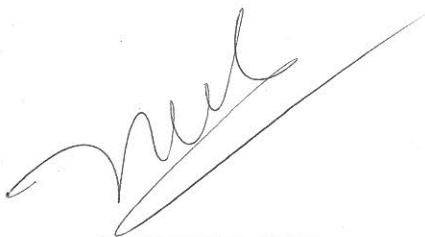
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

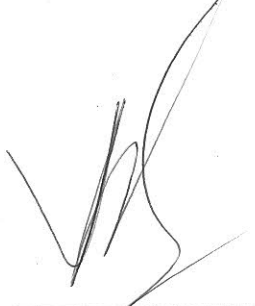
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	824.866.688.661	1.786.902.213.707
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	21.793.312.323	16.600.673.928
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		803.073.376.338	1.770.301.539.779
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	698.196.542.891	1.511.797.847.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.876.833.447	258.503.691.791
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	23.643.952.650	22.322.535.546
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	26.395.623.267	24.674.656.654
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.293.796.410	20.650.742.234
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	55.720.543.948	75.168.553.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25.447.868.012	27.368.086.597
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.956.750.870	153.614.930.109
11. Thu nhập khác	31	VI.8	717.609.551	303.260.694
12. Chi phí khác	32	VI.9	125.256.635	166.152.159
13. Lợi nhuận khác	40		592.352.916	137.108.535
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.549.103.786	153.752.038.644
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	866.494.893	30.526.216.961
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>20.682.608.893</u>	<u>123.225.821.683</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, c		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, c		



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.549.103.786	153.752.038.644
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	9.482.571.644	10.182.170.111
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(6.045.928.362)	(126.506.835)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(17.664.844.514)	(5.070.873.515)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	10.293.796.410	20.650.742.234
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.614.698.964	179.387.570.639
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		232.873.066.572	(90.512.194.596)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	57.198.301.011	40.110.852.553
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		98.412.053.328	(23.923.913.818)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(21.269.652.585)	795.251.890
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.185.799.866)	(20.469.552.200)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(22.133.122.693)	(26.552.129.796)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(4.277.932.106)	(7.652.446.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		347.231.612.625	51.183.438.422
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(17.051.707.906)	(8.009.261.241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.182	440.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(21.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(867.240.000)	(29.350.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.479.765.334	4.540.296.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.457.364.390)	(3.057.406.059)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

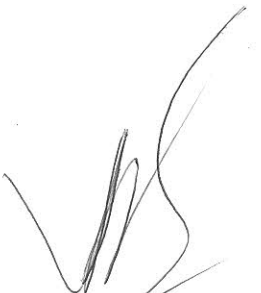
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	729.141.077.373	1.449.935.517.456
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(1.123.833.405.159)	(1.353.753.541.400)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(43.774.994.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(438.467.321.786)	96.181.976.056
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(124.693.073.551)	144.308.008.419
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	310.262.614.701	165.937.942.044
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(228.606.758)	16.664.238
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	185.340.934.392	310.262.614.701


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 19 tháng 3 năm 2016


Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Doanh thu bán thành phẩm năm nay giảm mạnh hơn 50% so với năm trước, chủ yếu do sản lượng mặt hàng tôm xuất khẩu năm nay là mặt hàng chủ lực của Công ty giảm tương ứng. Trong đó khoảng 40% do tình hình chung Giá trị tôm xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2015 giảm hơn năm 2014 và khoảng 10% do trong năm 2015 Công ty để cho các Công ty con trực tiếp xuất khẩu thay vì mua bán để Công ty xuất khẩu như năm 2014.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89	Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	98,68%	98,68%	98,68%
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (*)	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản	26,80%	26,80%	26,80%
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF (*)	Ấp Phước Thạnh, Xã Quới Thiện, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản	26,77%	26,77%	26,77%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng - Nha Trang Seafoods F17 (*)	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Khai thác nước khoáng nóng, bùn khoáng; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất mỹ phẩm và nước khoáng; Vận tải hành khách. Dịch vụ tắm hơi, massage	21,97%	21,97%	21,97%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các Công ty này ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của các công ty này. Do vậy các Công ty này bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào các Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin có trụ sở chính tại số 777 Lê Hồng Phong, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Khám chẩn đoán và điều trị, phục hồi chức năng và điều dưỡng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 17,5% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã giải thể. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến thủy sản F17	Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F90	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà hàng Nha Trang Seafood	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu năm trước trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay do áp dụng quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty do tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 891 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 932 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến các Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá do Công ty mẹ quy định (áp dụng tỷ giá 22.430 VND/USD).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí di dời, chi phí lập dự án,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.472.017.471	1.720.620.976
Tiền gửi ngân hàng	110.368.916.921	51.981.993.725
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	72.500.000.000	256.560.000.000
Cộng	185.340.934.392	310.262.614.701

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	129.064.743.291	-	128.197.503.291	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	72.094.580.000	-	72.094.580.000	-
Công ty CP Nha Trang Seafoods-F89 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.800.000.000	-	19.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(iv)	22.170.163.291	-	21.302.923.291	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin ^(v)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	285.310.000	-	285.310.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(vi)	285.310.000	-	285.310.000	-
Cộng	139.850.053.291	-	138.982.813.291	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700527019 ngày 14 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 15.000.000.000 VND, tương đương 98,68% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF 66.000.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 72.094.580.000 VND (tương đương 8.040.880 cổ phần), chiếm 25,58% vốn thực tế đã góp (số đầu năm tương đương 26,8% vốn điều lệ). Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 44,56% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900351972 ngày 29 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89 là 19.800.000.000 VND (sở hữu 2.178.000 cổ phần), tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201112127 ngày 10 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 220.000.000.000 VND, vốn Công ty phải đầu tư là 77.000.000.000 VND (tương đương 35% vốn điều lệ). Trong năm, Công ty đã góp thêm 867.240.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 22.170.163.291 VND, tương đương 10,08% vốn điều lệ và chiếm 19,63% vốn thực tế đã góp, Công ty chưa đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 79,4% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (vi) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Số cuối năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần Bệnh viện Yersin đã giải thể. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>		
Doanh thu ủy thác xuất khẩu	1.279.754.581	203.815.042
Doanh thu vận chuyển	28.682.235	-
Doanh thu bán hàng, vật tư	36.030.227	1.714.229.574
Xuất bán hàng ủy thác	34.343.520.685	8.195.799.778
Mua hàng nội địa	9.278.778.937	3.213.192.443
F17 nhận hàng ủy thác xuất khẩu	122.180.419.005	22.655.624.898
Phí vận chuyển quốc tế, ủy thác xuất khẩu	850.588.454	227.124.870
Thu giảm chi phí vận chuyển quốc tế	1.908.086.906	-
Cần trừ thu tiền cổ tức bằng nợ phải trả	10.063.502.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>		
Doanh thu bán hàng, bán vật tư	49.308.909	4.691.806.512
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	3.840.396.689	892.941.084
Doanh thu hàng ủy thác xuất khẩu	269.589.375	-
F17 nhận hàng ủy thác xuất khẩu	349.024.182.209	71.295.160.559
Mua thành phẩm	16.785.406.588	48.488.622.574
Chi phí gia công	1.271.286.360	1.079.568.000
Chi phí ủy thác xuất khẩu, phí vận chuyển hàng ủy thác xuất khẩu	5.874.993.380	1.166.430.881
Cần trừ thu tiền cổ tức bằng nợ phải trả	43.890.607.000	-
Phải thu tiền cổ tức từ lợi nhuận năm 2014 và 2015	24.121.464.000	-
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89</i>		
Doanh thu bán hàng	41.077.149	98.454.804
Doanh thu ủy thác xuất khẩu	2.929.896.453	1.132.513.670
Doanh thu cung cấp dịch vụ	302.612.242	1.525.700.022
F17 xuất bán hàng ủy thác	511.439.454	491.146.366.679
Nhập mua thành phẩm	28.290.906.961	83.321.083.250
F17 nhận hàng ủy thác xuất khẩu	293.072.762.074	195.805.314.023
Giảm phí thuê vận chuyển, ủy thác xuất khẩu	-	3.688.486.970
Phí vận chuyển quốc tế, ủy thác xuất khẩu	5.614.514.124	14.694.115.645
Cần trừ thu tiền cổ tức bằng nợ phải trả	12.038.737.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17		
Doanh thu bán hàng thủy sản	680.287.808	2.672.263.859
Chi phí mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	1.116.411.809	1.045.403.619
Mua hàng hóa	50.479.998	-
Góp vốn bằng tài sản	-	5.031.573.291
Góp vốn bằng phí cấp quyền khai thác mỏ nước khoáng	867.240.000	-

Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF

Doanh thu bán hàng	19.418.182	16.800.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.363.636	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	257.877.881.636	298.474.792.440
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	58.052.600	2.139.078.023
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89	158.082.047.810	194.099.557.741
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	43.379.458.172	9.603.484.182
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	271.624.015	366.516.662
Công ty NTCT Company, Inc.	-	92.266.155.832
Công ty NTCT Seafood, Inc.	56.086.699.039	-
Phải thu các khách hàng khác	61.172.248.895	135.249.708.254
Công ty ShunFat Enterprise	-	85.600.807.848
Phải thu các khách hàng khác	61.172.248.895	49.648.900.406
Cộng	319.050.130.531	433.724.500.694

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	24.304.541.414	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	24.304.541.414	-
Trả trước cho người bán khác	2.764.921.636	3.189.184.061
Công ty TNHH Năm Dững	-	1.094.413.120
Liên đoàn Địa chất Thủy Văn- Địa Chất CT Miền Trung	550.000.000	550.000.000
Trương Thị Nhị	443.600.000	600.000.000
Các khách hàng khác	1.771.321.636	944.770.941
Cộng	27.069.463.050	3.189.184.061

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	24.121.464.000	-	78.053.578.000	-
Cổ tức còn phải thu	24.121.464.000	-	78.053.578.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	24.121.464.000	-	55.951.339.000	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89	-	-	12.038.737.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	-	-	10.063.502.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.582.391.629	-	7.246.749.101	-
Tạm ứng	2.626.248.798	-	6.276.946.638	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	286.638.888	-	735.105.668	-
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	461.415.748	-	144.408.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	208.088.195	-	90.288.795	-
Cộng	27.703.855.629	-	85.300.327.101	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản phải thu nhân viên tiền mua cổ phiếu trả chậm.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		3.178.662.591	1.246.721.352		3.268.078.410	1.336.137.171
Công ty Aquatila - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Các khách hàng khác - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	66.984.181	66.984.181	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Các khách hàng khác - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 đến 2 năm	15.884.475	15.884.475	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	15.884.475	15.884.475
Các khách hàng khác - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	54.541.196	54.541.196	Trên 3 năm	54.541.196	54.541.196
Trương Thị Nhị - trả trước người bán	Từ 2 đến 3 năm	443.600.000	443.600.000	Từ 1 đến 2 năm	600.000.000	600.000.000
Các khách hàng khác - Trả trước người bán	Từ 1 đến 2 năm	4.785.000	4.785.000	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	4.785.000	4.785.000
Các khách hàng khác - Trả trước người bán	Trên 3 năm	803.350.730	660.926.500	Trên 3 năm	803.350.730	660.926.500
Cộng		3.178.662.591	1.246.721.352		3.268.078.410	1.336.137.171

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.931.941.239	1.931.941.239
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối năm	1.931.941.239	1.931.941.239

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.875.580.442	-	4.745.319.036	-
Công cụ, dụng cụ	103.185.639	-	759.240.023	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	525.451.946	-	-	-
Thành phẩm	72.666.904.314	-	130.900.604.950	-
Hàng hóa	287.953.510	-	252.212.853	-
Cộng	79.459.075.851	-	136.657.376.862	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	520.785.725	359.840.766
Chi phí bảo hiểm	224.321.471	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	380.531.387	-
Cộng	1.125.638.583	359.840.766

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	189.828.284	375.018.219
Tiền thuê đất	16.510.853.000	-
Chi phí đền bù	630.000.000	-
Chi phí sửa chữa	2.356.516.498	292.432.748
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.312.322.530	168.214.577
Cộng	21.999.520.312	835.665.544

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.783.447.864	115.896.601.134	15.769.752.004	404.719.110	180.854.520.112
Mua trong năm	-	14.425.002.048	3.601.349.312	-	18.026.351.360
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	356.558.000	214.490.900	-	-	571.048.900
Bản giao tài sản cho Nhà nước	(909.252.000)	-	-	-	(909.252.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(357.946.258)	-	(357.946.258)
Phân loại lại tài sản là quyền sử dụng đất	(1.980.000.000)	-	-	-	(1.980.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối năm	46.250.753.864	130.536.094.082	19.013.155.058	404.719.110	196.204.722.114
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.322.711.871	46.044.528.958	1.407.147.441	361.078.201	51.135.466.471
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.679.641.560	77.795.169.423	7.798.813.200	350.963.435	103.624.587.618
Khấu hao trong năm	1.926.799.017	6.599.162.674	1.600.526.100	35.571.953	10.162.059.744
Hoàn nhập chi phí khấu hao các năm trước	(1.009.080.000)	-	-	-	(1.009.080.000)
Bàn giao tài sản cho Nhà nước	(909.252.000)	-	-	-	(909.252.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(300.475.256)	-	(300.475.256)
Số cuối năm	17.688.108.577	84.394.332.097	9.098.864.044	386.535.388	111.567.840.106
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.103.806.304	38.101.431.711	7.970.938.804	53.755.675	77.229.932.494
Số cuối năm	28.562.645.287	46.141.761.985	9.914.291.014	18.183.722	84.636.882.008
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.173.933.976	182.000.000	12.355.933.976
Mua trong năm	21.877.700	-	21.877.700
Tăng do phân loại từ TSCĐ hữu hình	1.980.000.000	-	1.980.000.000
Phân loại sang chi phí trả trước	(660.000.000)	-	(660.000.000)
Số cuối năm	13.515.811.676	182.000.000	13.697.811.676
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	182.000.000	182.000.000
Khấu hao trong năm	329.591.900	-	329.591.900
Số cuối năm	329.591.900	182.000.000	511.591.900
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.173.933.976	-	12.173.933.976
Số cuối năm	13.186.219.776	-	13.186.219.776

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang	651.517.602	1.537.251.080	(571.048.900)	1.617.719.782
<i>Nước khoáng Khánh Vĩnh</i>	231.467.600	-	-	231.467.600
<i>Công viên Bờ biển</i>	201.554.182	956.494.180	-	1.158.048.362
<i>Công trình tại 02-04 Bãi Dương</i>	218.495.820	-	-	218.495.820
<i>Nhà 42 Nguyễn Thị Minh Khai</i>	-	356.558.000	(356.558.000)	-
<i>Kho đá vảy nhà máy 17</i>	-	214.490.900	(214.490.900)	-
<i>Ông dẫn nước khoáng từ chợ Vĩnh Hải - Núi Sạn</i>	-	9.708.000	-	9.708.000
Cộng	651.517.602	1.537.251.080	(571.048.900)	1.617.719.782

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	268.208.107.059	109.327.188.392
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	31.674.350.827	10.886.919.207
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	73.589.761.127	77.758.357.667
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	162.939.095.105	20.677.707.518
Công ty Cổ phần du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	4.900.000	4.204.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.163.344.869	12.498.476.585
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	2.224.435.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.938.909.869	12.498.476.585
Cộng	281.371.451.928	121.825.664.977

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	89.720	-
Công ty NTCT Seafood, Inc	89.720	-
Trả trước cho người bán khác	13.990.103.395	2.105.475.235
Công ty Oceania Sea Products Pty Ltd	-	1.960.484.145
Công ty ShunFat Enterprise	13.463.576.418	-
Các khách hàng khác	526.526.977	144.991.090
Cộng	13.990.193.115	2.105.475.235

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới do cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.
- Sản phẩm của Công ty có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

Với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Thuế suất áp dụng:
 - + Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm kể từ khi chuyển sang hoạt động với loại hình Công ty cổ phần từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi;
 - + Thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.

Năm 2013 là năm thứ mười Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo qui định tại khoản 5 điều 11 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.549.103.786	153.752.038.644
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(15.957.091.566)	(14.996.507.003)
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.679.521.244	730.675.779
- Các khoản điều chỉnh giảm	(19.636.612.810)	(15.727.182.782)
Thu nhập tính thuế	5.592.012.220	138.755.531.641
Trong đó: thu nhập chịu thuế từ lĩnh vực ưu đãi	5.196.397.074	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	395.615.146	138.755.531.641
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.230.242.688	30.526.216.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(363.747.795)	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	866.494.893	30.526.216.961

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 4.000 VND/m³ với mức thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm. Chi tiết tiền lương còn phải trả cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	2.738.960.349	4.168.932.773
Nhà máy F17	3.368.821.597	6.134.391.975
Nhà máy F90	2.202.494.898	3.174.935.633
Nhà hàng Nha Trang Seafood	377.521.586	473.631.679
Cộng	8.687.798.430	13.951.892.060

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.688.070.359	3.155.056.305
Chi phí lãi vay phải trả	248.198.044	1.140.201.500
Hoa hồng môi giới phải trả	3.763.648.643	1.354.838.577
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	676.223.672	660.016.228
Cộng	4.688.070.359	3.155.056.305

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.129.598.367	2.938.598.367
Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	1.129.598.367	2.938.598.367
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	120.956.025.608	1.294.175.000
Kinh phí công đoàn	732.304.349	617.549.495
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	220.283.475
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.250.012.000	-
Quỹ xóa đói giảm nghèo	293.507.524	-
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	441.888.093	441.888.093
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.030.167	14.453.937
Cộng	122.085.623.975	4.232.773.367

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan	1.129.598.367	2.938.598.367
Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	1.129.598.367	2.938.598.367
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác	119.250.012.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.250.012.000	-
Cộng	120.379.610.367	2.938.598.367

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	199.729.102.500	593.500.900.500
Vay ngắn hạn ngân hàng	199.729.102.500	593.500.900.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (i)	113.498.302.500	260.303.061.375
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (ii)	72.878.535.000	333.197.839.125
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (iii)	13.352.265.000	-
Cộng	199.729.102.500	593.500.900.500

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy, hải sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ 2,1%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	593.500.900.500	494.456.266.345
Số tiền vay phát sinh	729.141.077.373	1.449.935.517.456
Số tiền vay đã trả	(1.123.833.405.159)	(1.353.753.541.400)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	920.529.786	2.862.658.099
Số cuối năm	199.729.102.500	593.500.900.500

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	568.645.410	2.170.000.000	(2.733.620.000)	5.025.410
Quỹ phúc lợi	297.197.259	1.250.000.000	(1.544.312.106)	2.885.153
Cộng	865.842.669	3.420.000.000	(4.277.932.106)	7.910.563

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	166.499.960.000	39.457.439.540	117.376.816.780	323.334.216.320
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	21.500.040.000	(21.500.040.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	123.225.821.683	123.225.821.683
Trích lập các quỹ	-	-	(880.000.000)	(880.000.000)
Chi khác	-	-	(98.128.200)	(98.128.200)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát các năm trước	-	-	(2.938.598.367)	(2.938.598.367)
Số dư cuối năm trước	188.000.000.000	17.957.399.540	236.685.911.896	442.643.311.436
Số dư đầu năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	236.685.911.896	442.643.311.436
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	20.682.608.893	20.682.608.893
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014	-	-	(3.420.000.000)	(3.420.000.000)
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	(43.774.994.000)	(43.774.994.000)
Cổ tức từ năm 2012 đến 2014 còn phải trả	-	-	(119.250.012.000)	(119.250.012.000)
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	90.923.514.789	296.880.914.329

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngô Văn Ích	57.436.490.000	57.436.490.000
Ngô Tuấn Kiệt	37.209.940.000	37.209.940.000
Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	18.800.000.000
Các cổ đông khác	74.553.570.000	74.553.570.000
Cộng	188.000.000.000	188.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	18.800.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 01 tháng 03 năm 2014, Đại hội cổ đông đã thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức của các năm như sau:

	Số cổ tức phải trả	Số chi trả cổ tức	Số cổ tức còn phải trả
- Cổ tức năm 2012 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	24.974.994.000	31.425.006.000
- Cổ tức năm 2013 (40% vốn chủ sở hữu)	75.200.000.000	43.774.994.000	31.425.006.000
- Cổ tức năm 2014 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	-	56.400.000.000
Cộng	188.000.000.000	68.749.988.000	119.250.012.000

Khoản cổ tức này đã được ghi nhận là nợ phải trả cho các cổ đông (xem thuyết minh V.17).

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**21a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	4.586.710,85	1.885.155,65
Euro (EUR)	-	241,60

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	335.922.650	673.679.016
Doanh thu thành phẩm chế biến thủy sản	790.690.146.672	1.760.329.313.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhà hàng	19.368.418.224	17.157.333.734
Doanh thu khác	14.472.201.115	8.741.887.334
Cộng	824.866.688.661	1.786.902.213.707

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty NTCT Company, Inc	28.825.251.662	145.611.060.415
Doanh thu xuất khẩu thủy sản	28.825.251.662	145.611.060.415
Công ty Nha Trang Seafoods., Inc	425.139.985.793	214.286.757.514
Doanh thu xuất khẩu thủy sản	104.368.311.746	172.814.514.910
Giảm giá hàng bán	-	(1.966.445.280)
Hàng bán bị trả lại	-	(10.617.289.920)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	21.547.697.838	14.634.228.648
Giảm giá hàng bán	245.614.485	1.966.445.280
Cộng	21.793.312.323	16.600.673.928

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	333.683.149	315.880.061
Giá vốn của thành phẩm thủy sản đã bán	687.008.191.320	1.497.475.624.693
Giá vốn của dịch vụ nhà hàng đã cung cấp	10.854.668.422	9.548.194.126
Giá vốn của hoạt động khác	-	4.458.149.108
Cộng	698.196.542.891	1.511.797.847.988

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.427.565.334	4.856.347.337
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	57.526.954	72.696.281
Lãi đầu tư cổ phiếu	52.200.000	57.457.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.060.732.000	12.060.732.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	5.148.795.893
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.045.928.362	126.506.835
Cộng	23.643.952.650	22.322.535.546

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.293.796.410	20.650.742.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.101.826.857	4.023.914.420
Cộng	26.395.623.267	24.674.656.654

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.218.238.388	9.605.693.375
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	803.338.708	791.255.563
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.273.441.554	1.285.294.039
Chi phí ngân hàng	2.310.681.725	2.168.285.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.386.362.293	52.347.828.005
- Chi phí tiền điện	6.427.677.849	6.615.997.554
- Chi phí thuê vận chuyển quốc tế	12.308.434.431	31.321.242.345
Các chi phí khác	13.728.481.280	8.970.197.181
- Chi phí hoa hồng môi giới	10.167.855.501	4.402.900.991
Cộng	55.720.543.948	75.168.553.977

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.930.337.737	10.907.519.748
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	194.014.953	418.525.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	521.780.856	1.239.951.639
Thuế, phí và lệ phí	1.310.235.891	2.730.341.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.305.189	274.575.992
Chi phí bằng tiền khác	12.212.193.386	11.797.171.963
- Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	2.585.387.500	1.924.180.000
Cộng	25.447.868.012	27.368.086.597

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	124.347.180	157.068.978
Tiền bồi thường	174.319.993	17.896.481
Thu nhập bán phế liệu, vật tư	180.342.862	-
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	49.527.409	-
Các khoản thu nhập khác	189.072.107	128.295.235
Cộng	717.609.551	303.260.694

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phế liệu vật tư xuất bán	112.177.863	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	13.073.132	135.556.159
Chi phí khác	5.640	30.596.000
Cộng	125.256.635	166.152.159

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	479.062.974.835	1.209.321.101.447
Chi phí nhân công	91.879.627.387	106.860.103.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.196.016.540	10.182.170.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.594.322.245	70.555.960.525
Chi phí khác	42.616.649.958	42.769.218.137
Cộng	656.349.590.965	1.439.688.553.760

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng tài sản vào Công ty con	-	5.031.573.291
Góp vốn bằng phí cấp quyền khai thác mỏ nước khoáng vào Công ty con	867.240.000	-
Nhận cổ tức bằng bù trừ nợ phải trả	65.992.846.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh giao dịch chi trả thù lao của các năm trước cho các thành viên Hội đồng quản trị trong năm nay là 1.809.000.000 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	1.680.000.000	2.249.103.000
Tiền thưởng	273.591.000	-
Nhận tiền thù lao các năm trước	1.271.000.000	-
Cộng	3.224.591.000	2.249.103.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Nha Trang Seafoods., Inc	Công ty tại Mỹ có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty NTCT company, Inc	Công ty tại Mỹ có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - Cần Thơ	Bà Đào Thị Minh Hương (Chủ tịch Hội đồng quản trị) là thành viên Hội đồng quản trị của F17

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty NTCT Company., Inc		
Hàng ủy thác xuất khẩu	-	6.064.141.675
Công ty Nha Trang Seafoods., Inc	425.139.985.793	214.286.757.514
Xuất bán hàng ủy thác	320.771.674.047	54.055.977.804
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - Cần Thơ		
Chi phí gia công tôm	-	16.698.728.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến thủy, hải sản và trong một khu vực địa lý là nước Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Phải thu ngắn hạn khác	136	66.962.648.463	18.337.678.638	85.300.327.101	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	6.276.946.638	(6.276.946.638)	-	(i)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.261.803.546	12.060.732.000	22.322.535.546	(ii)
Thu nhập khác	31	587.100.807	(283.840.113)	303.260.694	(iii)
Chi phí khác	32	449.992.272	(283.840.113)	166.152.159	(iii)

(i) Các điều chỉnh bao gồm

Phải thu cổ tức năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF

12.060.732.000

Tạm ứng nhân viên

6.276.946.638

Cộng

18.337.678.638

(ii) Điều chỉnh nhận cổ tức được chia năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

(iii) Trình bày giảm thu nhập và chi phí thanh lý tài sản cố định.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.340.934.392	-	-	185.340.934.392
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.200.000.000	-	-	21.200.000.000
Phải thu khách hàng	317.123.203.670	137.409.852	1.789.517.009	319.050.130.531
Các khoản phải thu khác	25.080.999.831	-	-	25.080.999.831
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	-	-	285.310.000
Cộng	548.745.137.893	137.409.852	1.789.517.009	550.672.064.754
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.262.614.701	-	-	310.262.614.701
Phải thu khách hàng	431.930.111.049	4.872.636	1.789.517.009	433.724.500.694
Các khoản phải thu khác	66.962.648.463	-	-	66.962.648.463
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	-	-	285.310.000
Cộng	809.155.374.213	4.872.636	1.789.517.009	810.949.763.858

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	66.984.181	4.872.636
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	15.884.475	-
Quá hạn trên 3 năm	54.541.196	-
Cộng	137.409.852	4.872.636

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống
Số cuối năm	
Vay và nợ	199.977.300.544
Phải trả người bán	281.371.451.928
Các khoản phải trả khác	125.499.684.417
Cộng	606.848.436.889
Số đầu năm	
Vay và nợ	594.641.102.000
Phải trả người bán	121.825.664.977
Các khoản phải trả khác	5.630.078.677
Cộng	722.096.845.654

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.586.710,85	-	1.885.155,65	241,60
Phải thu khách hàng	14.128.168,61	-	19.685.813,66	-
Vay và nợ	(8.876.849,00)	-	(27.766.124,00)	-
Phải trả người bán	(11.420.155,49)	-	(4.544.891,32)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.582.125,03)	-	(10.740.046,01)	241,60

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 710.374.138 VND (năm trước giảm/tăng 3.582.106.066 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay tăng/giảm so với năm trước do số dư nợ vay gốc USD giảm mạnh so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.200.000.000	-	-	-
Vay và nợ	-	(8.876.849,00)	-	(27.766.124,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	21.200.000.000	(8.876.849,00)	-	(27.766.124,00)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	182.868.916.921	308.541.993.725
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.200.000.000	-
Phải thu khách hàng	319.050.130.531	433.724.500.694
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	285.310.000
Cộng	742.551.804.419	742.551.804.419

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Tài sản tài chính</i>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.340.934.392	-	310.262.614.701	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.200.000.000	-	-	-
Phải thu khách hàng	319.050.130.531	(1.931.941.239)	433.724.500.694	(1.931.941.239)
Các khoản phải thu khác	25.080.999.831	-	66.962.648.463	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	-	285.310.000	-
Cộng	550.957.374.754	(1.931.941.239)	811.235.073.858	(1.931.941.239)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	281.371.451.928	121.825.664.977
Vay và nợ	199.977.300.544	594.641.102.000
Các khoản phải trả khác	125.499.684.417	5.630.078.677
Cộng	606.848.436.889	722.096.845.654

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

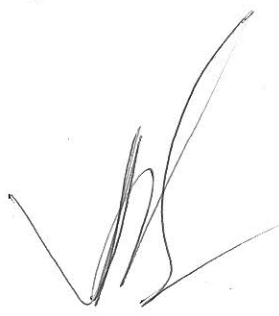
6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Thông tin khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể phải gánh chịu một phần lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư theo tỷ lệ vốn điều lệ cam kết.


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 19 tháng 3 năm 2016




Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm				Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Hoàn thuế	Điều chỉnh thuế	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	563.506.563	(563.506.563)	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	50.569.638	4.353.743	(463.151.684)	-	-	-	509.367.579
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.101.868.485	-	866.494.893	(22.133.122.693)	-	-	-	2.164.759.315
Thuế thu nhập cá nhân	-	313.088.054	3.301.969.381	(3.247.530.453)	116.576.477	196.511.577	54.438.928	-
Thuế tài nguyên	3.601.200	-	57.922.000	(58.187.400)	-	-	3.335.800	-
Thuế nhà đất	-	-	2.895.000	(2.895.000)	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	17.603.539.600	(17.066.084.800)	-	-	537.454.800	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	19.398.977.209	363.657.692	22.405.681.180	(43.519.898.063)	614.810.058	3.172.360.475	595.229.528	2.674.126.894

Nha Trang, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểuTrần Thiện Tâm
Kế toán trưởngNgô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CP NHA TRANG SEAFOODS – F17



GIÁM ĐỐC
Ngô Văn Ích